

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 535-TTg ngày 03/11/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1723/QĐ-TTg ngày 12/08/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 4899/2024/NQ-ĐHM-HĐT ngày 01/11/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Mở Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-ĐHM ngày 16/03/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT ngày 03/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4558/QĐ-ĐHM ngày 23/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội về việc thành lập Ban xây dựng Thông tin tuyển sinh năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 (Phụ lục kèm theo) của Trường Đại học Mở Hà Nội, gồm hai hình thức đào tạo chính quy và thường xuyên.

Điều 2. Thông tin tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên được thay thế cho Thông tin tuyển sinh đào tạo từ xa và Thông tin tuyển sinh đại học vừa làm vừa học năm 2026 đã ban hành theo Quyết định số 68/QĐ-ĐHM ngày 06/01/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội.

Điều 3. Thông tin tuyển sinh được công bố trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, các Trưởng đơn vị thuộc Trường Đại học Mở Hà Nội, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (Đề th/h);
- Các PHT (Đề phối hợp chỉ đạo);
- Cổng thông tin tuyển sinh;
- Lưu: VT, QLĐT.



PGS. TS Nguyễn Thị Nhung

Handwritten mark

PHẦN II - THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

MỤC 1

HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số. 879/QĐ-ĐHM ngày. 12/03/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội về việc Ban hành Thông tin tuyển sinh năm 2026)

1. Tuyển sinh đại học chính quy dài hạn

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

a) Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

b) Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của từng ngành, chương trình đào tạo (trừ đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển nộp đúng hạn theo quy định của Trường.

c) Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026. Quy định này không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng.

d) Đối với người dự tuyển là người khuyết tật ảnh hưởng khả năng học tập, nhà trường xem xét tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với năng lực và sức khỏe của thí sinh.

đ) Đối với người dự tuyển là công dân nước ngoài có văn bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; đã được dịch công chứng sang tiếng Việt và được công nhận trình độ tương đương do các đơn vị chức năng xác nhận, có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ GDĐT và đảm bảo các quy định theo quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Trường Đại học Mở Hà Nội (Trường) tổ chức xét tuyển các phương thức sau:

a) Phương thức tuyển sinh mã 100

Trường xét tuyển tất cả các ngành. Thí sinh đăng ký xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026, cần đáp ứng điều kiện dự tuyển và ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào (ngưỡng đầu vào) do nhà trường công bố;

Đối với tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT dùng chứng chỉ ngoại ngữ (chứng chỉ ngoại ngữ áp dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành), kết quả chứng chỉ ngoại ngữ được quy đổi thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ (bảng quy đổi tại mục 1.5.1).

b) Phương thức tuyển sinh mã 200

Trường xét tuyển hai ngành **Công nghệ sinh học, Công nghệ thực phẩm**. Thí sinh đăng ký xét tuyển dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT, các môn trong THXT cần có điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 (gồm cả điểm ưu tiên khu vực, đối tượng).

c) Phương thức tuyển sinh mã 301

Tổ chức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 (điểm a, b), khoản 4 (điểm c, d), khoản 5 (điểm b) Điều 8 trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

d) Phương thức tuyển sinh mã 402

Thí sinh đăng ký xét tuyển cần có điểm kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội, kết quả thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức năm 2026 đáp ứng ngưỡng đầu vào do Trường công bố.

đ) Phương thức tuyển sinh mã 405

Trường xét tuyển bốn ngành **Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang, Thiết kế nội thất, Kiến trúc**. Thí sinh dự tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 các môn theo tổ hợp xét tuyển của ngành dự tuyển kết hợp với kết quả thi các môn năng khiếu, cần có tổng điểm các môn đáp ứng ngưỡng đầu vào do Trường công bố;

Thí sinh cần đăng ký dự thi năng khiếu do nhà trường tổ chức hoặc sử dụng kết quả thi năng khiếu do các trường đại học khác trên cả nước tổ chức (chi tiết xem tại mục 1.6.1 e).

e) Phương thức tuyển sinh mã 406

Trường xét tuyển bốn ngành **Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang, Thiết kế nội thất, Kiến trúc**. Thí sinh đăng ký xét tuyển cần có điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của các môn theo tổ hợp xét tuyển của ngành dự tuyển kết hợp điểm thi năng khiếu vẽ trong THXT (gồm cả điểm ưu tiên khu vực, đối tượng), trong đó THXT không có môn văn hóa nào có kết quả từ 5,0 điểm trở xuống và môn thi năng khiếu có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống.

g) Phương thức tuyển sinh mã 500 (xét tuyển dự bị đại học)

Thí sinh đăng ký xét tuyển phải hoàn thành chương trình dự bị đại học và cần có tổng điểm các môn trong THXT (gồm cả điểm ưu tiên khu vực, đối tượng) đạt ngưỡng đầu vào do Trường công bố áp dụng theo phương thức tuyển sinh mã 100.

TRU
AI H
H

2024

g) Bảng phương thức tuyển sinh áp dụng cho các ngành

TT	Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Phương thức tuyển sinh						
		Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT -Mã 100	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) -Mã 200	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8) -Mã 301	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển -Mã 402	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển -Mã 405	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển -Mã 406	Sử dụng phương thức khác-Mã 500 (đối với xét tuyển dự bị đại học)
1	Nhóm ngành: Mỹ thuật ứng dụng							
1.1	Ngành Thiết kế đồ họa			X		X	X	
1.2	Ngành Thiết kế thời trang			X		X	X	
2	Nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài							
2.1	Ngành Ngôn ngữ Anh	X		X	X			X
2.2	Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	X		X				X
3	Nhóm ngành: Kinh doanh							
3.1	Ngành Quản trị kinh doanh	X			X			X
3.2	Ngành Thương mại điện tử	X			X			X
4	Nhóm ngành: Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm							
4.1	Ngành Tài chính - Ngân hàng	X			X			X
4.2	Ngành Bảo hiểm	X						X
5	Nhóm ngành: Kế toán - kiểm toán							
5.1	Ngành Kế toán	X						X
6	Nhóm ngành: Luật							
6.1	Ngành Luật	X						X
6.2	Ngành Luật quốc tế	X						X
6.3	Ngành Luật kinh tế	X			X			X
7	Nhóm ngành: Sinh học ứng dụng							
7.1	Ngành Công nghệ sinh học	X	X	X	X			X
8	Máy tính							
8.1	Kỹ thuật máy tính	X		X	X			X
9	Nhóm ngành: Công nghệ thông tin							
9.1	Ngành Công nghệ thông tin	X		X	X			X
10	Nhóm ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông							
10.1	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	X			X			X
10.2	Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	X			X			X
11	Nhóm ngành: Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống							
10.1	Ngành Công nghệ thực phẩm	X	X	X	X			X
12	Nhóm ngành: Kiến trúc và quy hoạch							
12.1	Ngành Kiến trúc					X	X	
12.2	Ngành Thiết kế nội thất			X		X	X	

Handwritten signature and date

TT	Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Phương thức tuyển sinh						
		Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT -Mã 100	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) -Mã 200	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8) -Mã 301	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển -Mã 402	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển -Mã 405	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển -Mã 406	Sử dụng phương thức khác-Mã 500 (đối với xét tuyển dự bị đại học)
13	Nhóm ngành: Du lịch							
13.1	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	x						x
14	Nhóm ngành: Khách sạn, nhà hàng							
14.1	Ngành Quản trị khách sạn	x						x

Ghi chú:

- Ô tích dấu “x” là có áp dụng phương thức xét tuyển;

- Phương thức xét tuyển mã 402: Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức thi năm 2026.

1.3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

1.3.1. Ngưỡng đầu vào

- Trường công bố ngưỡng đầu vào chính thức của các phương thức sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026 và ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào do Bộ GDĐT công bố.

- Tổng điểm ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào các môn trong THPT của các phương thức tuyển sinh được tính hệ số 1.

1.3.2. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và độ lệch điểm trúng tuyển

Trường thực hiện quy đổi độ lệch điểm ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào và độ lệch điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo tương ứng. Việc quy đổi tương đương (độ lệch điểm) được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau:

a) Tuân thủ các quy định và hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT về quy đổi tương đương giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển.

b) Bảo đảm tính công bằng, minh bạch và tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển.

c) Được xác định trên cơ sở phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển các năm trước; đồng thời bảo đảm quyền lợi của thí sinh trong trường hợp phát sinh các tình huống, sự cố ảnh hưởng đến kết quả thi hoặc kết quả trúng tuyển.

d) Phù hợp với đặc điểm của từng ngành, chương trình đào tạo và từng phương thức tuyển sinh.

đ) Căn cứ hướng dẫn của Bộ GDĐT và tình hình thực tế, Trường xác định và công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào và bảng quy đổi tương đương giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

e) Quy tắc quy đổi và xác định độ lệch điểm được công bố cùng thời điểm với ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

1.4. Số lượng tuyển sinh

Năm 2026, Trường Đại học Mở Hà Nội tuyển sinh 22 ngành đào tạo. Các tổ hợp xét tuyển bảo đảm có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét môn Toán hoặc Ngữ văn tối thiểu 1/3 theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT. Trường thực hiện số lượng tuyển sinh là **4.255**. Cụ thể như sau:

TT	Tên chương trình/Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành	Văn bằng tốt nghiệp	Tổ hợp xét tuyển	Mã THXT	Mã phương thức tuyển sinh	Số lượng tuyển sinh	Thang điểm
1	Nhóm ngành: Mỹ thuật ứng dụng							
1.1	Thiết kế đồ họa	7210403	Cử nhân/ Kỹ sư	HÌNH HỌA, NGỮ VĂN, Bó cục màu	H00	301, 405, 406	160	Thang 50 quy đổi về thang 30
1.2	Thiết kế thời trang	7210404		HÌNH HỌA, NGỮ VĂN, Toán	H01			
				HÌNH HỌA, NGỮ VĂN, Tiếng Anh	H06		55	
2	Nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài							
2.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Cử nhân	TIẾNG ANH, NGỮ VĂN, Toán	D01	100, 301, 500	290	Thang 50 quy đổi về thang 30
				Sử dụng kết quả bài thi HSA	Q21	402		
2.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Cử nhân	TIẾNG ANH, NGỮ VĂN, Toán TIẾNG TRUNG, NGỮ VĂN, Toán	D01 D04	100, 301, 500	280	Thang 50 quy đổi về thang 30
3	Nhóm ngành: Kinh doanh							
3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Cử nhân	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Tiếng Anh, Tin học	A00 A01 D01 X26	100, 500	290	30
				Sử dụng kết quả bài thi HSA Sử dụng kết quả bài thi TSA	Q00 K00	402		
3.2	Thương mại điện tử	7340122	Cử nhân	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Tiếng Anh, Tin học	A00 A01 D01 X26	100, 500	130	30
				Sử dụng kết quả bài thi HSA Sử dụng kết quả bài thi TSA	Q00 K00	402		

Handwritten signature/initials in blue ink.

TT	Tên chương trình/Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành	Văn bằng tốt nghiệp	Tổ hợp xét tuyển	Mã THXT	Mã phương thức tuyển sinh	Số lượng tuyển sinh	Thang điểm
4	Nhóm ngành: Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm							
4.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Cử nhân	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	A00 A01 D01	100, 500	375	30
				Sử dụng kết quả bài thi HSA Sử dụng kết quả bài thi TSA	Q00 K00	402		150/ 100
4.2	Bảo hiểm	7340204	Cử nhân	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	A00 A01 D01	100, 500	45	30
5	Nhóm ngành: Kế toán - kiểm toán							
5.1	Kế toán	7340301	Cử nhân	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Tiếng Anh, Tin học	A00 A01 D01 X26	100, 500	260	30
6	Nhóm ngành: Luật							
6.1	Luật	7380101	Cử nhân	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Vật lý Địa lý, Ngữ văn, Lịch sử	D01 C01 C00	100, 500	230	30
6.2	Luật quốc tế	7380108	Cử nhân	Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật	X01		100	
6.3	Luật kinh tế	7380107	Cử nhân	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Vật lý Toán, Ngữ văn, Lịch sử Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật	D01 C01 C03 X01	100, 500	230	30
				Sử dụng kết quả bài thi HSA Sử dụng kết quả bài thi TSA	Q00 K00			402
7	Nhóm ngành: Sinh học ứng dụng							
7.1	Công nghệ sinh học (Đào tạo 5 chuyên ngành: Thực phẩm, Y-Dược, Môi trường, Công nghiệp, Mỹ phẩm, Thực vật)	7420201	Cử nhân/ Kỹ sư	Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Hóa học, Vật lý Toán, Hóa học, Tiếng Anh Toán, Vật lý, Tiếng Anh	B00 A00 D07 A01	100, 200, 301, 500	120	30
				Sử dụng kết quả bài thi HSA Sử dụng kết quả bài thi TSA	Q00 K00	402		150/ 100
8	Nhóm ngành: Máy tính							
8.1	Kỹ thuật máy tính	7480106	Cử nhân/ Kỹ sư	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Tiếng Anh, Tin học	A00 A01 D01 X26	100, 301, 500	75	30
				Sử dụng kết quả bài thi HSA Sử dụng kết quả bài thi TSA	Q00 K00	402		150/ 100
9	Nhóm ngành: Công nghệ thông tin							
9.1	Công nghệ thông tin (Đào tạo 3 chuyên ngành: CN phần mềm, CN đa phương tiện, Mạng và an toàn hệ thống)	7480201	Cử nhân/ Kỹ sư	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Tiếng Anh, Tin học	A00 A01 D01 X26	100, 301, 500	385	30
				Sử dụng kết quả bài thi HSA Sử dụng kết quả bài thi TSA	Q00 K00	402		150/ 100



TT	Tên chương trình/Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành	Văn bằng tốt nghiệp	Tổ hợp xét tuyển	Mã THXT	Mã phương thức tuyển sinh	Số lượng tuyển sinh	Thang điểm
10	Nhóm ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông							
10.1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Cử nhân/ Kỹ sư	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Tiếng Anh, Tin học	A00 A01 D01 X26	100, 500	200	30
				Sử dụng kết quả bài thi HSA Sử dụng kết quả bài thi TSA	Q00 K00	402		150/ 100
10.2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Cử nhân/ Kỹ sư	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Tiếng Anh, Tin học	A00 A01 D01 X26	100, 500	290	30
				Sử dụng kết quả bài thi HSA Sử dụng kết quả bài thi TSA	Q00 K00	402		150/ 100
11	Nhóm ngành: Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống							
11.1	Công nghệ thực phẩm	7540101	Cử nhân/ Kỹ sư	Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Hóa học, Vật lý Toán, Hóa học, Tiếng Anh Toán, Vật lý, Tiếng Anh	B00 A00 D07 A01	100, 200, 301, 500	180	30
				Sử dụng kết quả bài thi HSA Sử dụng kết quả bài thi TSA	Q00 K00	402		150/ 100
12	Nhóm ngành: Kiến trúc và quy hoạch							
12.1	Kiến trúc	7580101	Kiến trúc sư	VẼ MỸ THUẬT, TOÁN , Vật lý HÌNH HỌA, TOÁN , Ngữ văn HÌNH HỌA, TOÁN , Tiếng Anh	V00 V01 V02	405, 406	85	Thang 50 quy đổi về thang 30
12.2	Thiết kế nội thất	7580108	Cử nhân/ Kỹ sư	HÌNH HỌA, NGŨ VĂN , Bộ cục màu HÌNH HỌA, NGŨ VĂN , Toán HÌNH HỌA, NGŨ VĂN , Tiếng Anh	H00 H01 H06	301, 405, 406		
13	Nhóm ngành: Du lịch							
13.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Cử nhân	Tiếng Anh, Toán, Ngữ văn Tiếng Anh, Toán, Lịch sử Tiếng Anh, Toán, Địa lí	D01 D09 D10	100, 500	225	30
14	Nhóm ngành: Khách sạn, nhà hàng							
14.1	Quản trị khách sạn	7810201	Cử nhân	Tiếng Anh, Toán, Ngữ văn Tiếng Anh, Toán, Lịch sử Tiếng Anh, Toán, Địa lí	D01 D09 D10	100, 500	150	30

Ghi chú:

- Mã phương thức xét tuyển được quy định tại Bảng của Mục 1.3;
- Các môn viết chữ **HOA**, in **ĐẬM** được tính hệ số 2;
- Q00: Tổ hợp xét tuyển quy ước sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức gồm các bài thi: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học/ Tiếng Anh;
- K00: Tổ hợp xét tuyển quy ước sử dụng kết quả bài thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức gồm các bài thi: Tư duy Toán học, Tư duy đọc hiểu, Tư duy Khoa học/Giải quyết vấn đề;

- Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh, chỉ sử dụng kết quả thi HSA tổ hợp xét tuyển là Q21 gồm: Phần 1 - Tư duy định lượng; Phần 2 - Tư duy định tính, Phần 3 - Tiếng Anh.

1.5. Các thông tin cần thiết khác

1.5.1. Quy đổi điểm ngoại ngữ

Chứng chỉ ngoại ngữ được sử dụng để quy đổi điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển theo bảng quy đổi sau:

Chứng chỉ ngoại ngữ	Điểm ngoại ngữ quy đổi sang thang điểm 10				
	8,0	8,5	9,0	9,5	10,0
Tiếng Anh					
IELTS (Academic)	4.5	5.0	5.5	6.0	Từ 6.5
TOEFL iBT	32-34	35-45	46-59	60-78	Từ 79
Tiếng Trung Quốc	HSK3 (180-239)	HSK3 (240-300)	HSK4 (180-239)	HSK4 (240-300)	HSK5-6 (180-300)

Lưu ý:

- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh nhà trường chỉ thực hiện quy đổi đối với thí sinh có IELTS (Academic) từ 5.5 trở lên (hoặc chứng chỉ tương đương).

- Yêu cầu về đơn vị cấp chứng chỉ HSK:

- + Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Han ban);
- + Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese);
- + Tổng bộ Viện Khổng tử (Trung Quốc);
- + Trung tâm hợp tác giao lưu ngôn ngữ giữa Trung Quốc và nước ngoài (Center for Language Education and Cooperation).

- Chứng chỉ của thí sinh đang trong thời hạn có giá trị tính đến ngày 14/07/2026;

- Nhà trường căn cứ dữ liệu, minh chứng hồ sơ về chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế của thí sinh trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GDĐT, cập nhật điểm quy đổi theo bảng trên lên Hệ thống tuyển sinh cho các thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Mở Hà Nội để phục vụ công tác xét tuyển;

- Khi nhập học thí sinh phải nộp bản gốc chứng chỉ để Trường kiểm tra, thí sinh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu chứng chỉ không hợp lệ;

- Mức quy đổi điểm này chỉ có giá trị khi tham gia xét tuyển ở Trường Đại học Mở Hà Nội.

1.5.2. Ưu tiên xét tuyển

- Trường dành tối đa 5% số lượng tuyển sinh cho xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển;

- Trường áp dụng chính sách ưu tiên trong xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT. Trường có thông báo hướng dẫn riêng, thí sinh xem chi tiết trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường tại địa chỉ <https://tuyensinh.hou.edu.vn>.

1.6. Tổ chức tuyển sinh

1.6.1. Tổ chức xét tuyển các phương thức

Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức xét tuyển trên phạm vi toàn quốc tất cả các phương thức tuyển sinh (mã 100, 200, 301, 402, 405, 406 và 500) theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT. Thời gian đăng ký, hồ sơ xét tuyển của các phương thức như sau:

a) Xét tuyển dựa trên kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Mã 100) và xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với điểm thi năng khiếu vẽ (Mã 405)

Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia từ ngày **02/07/2026** đến **17h00** ngày **14/07/2026**. Nhà trường tổ chức xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

Thí sinh đăng ký xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với điểm thi năng khiếu vẽ (mã 405) thực hiện theo hướng dẫn tại mục e.

b) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (Mã 301)

Thí sinh đăng ký xét tuyển nộp hồ sơ về Trường Đại học Mở Hà Nội trước **17h00** ngày **20/06/2026** (hồ sơ tải tại địa chỉ <https://tuyensinh.hou.edu.vn>, Trường có hướng dẫn riêng cho thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển);

Trường Đại học Mở Hà Nội công bố kết quả trúng tuyển trước ngày **30/06/2026**;

Sau khi nhà trường công bố kết quả trúng tuyển, thí sinh đã trúng tuyển đăng ký nguyện vọng theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia từ ngày **02/07/2026** đến **17h00** ngày **14/07/2026**. Nhà trường tổ chức xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

Yêu cầu hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng/ưu tiên xét tuyển (mẫu Phiếu và hướng dẫn tải tại Cổng thông tin tuyển sinh của Trường địa chỉ <https://tuyensinh.hou.edu.vn>);
- Bản sao y có chứng thực các giấy tờ liên quan phù hợp với đối tượng tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển;
- Bản sao y có chứng thực học bạ THPT;
- Bản sao y có chứng thực CCCD/ Căn cước.

c) Xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp THPT (học bạ - Mã 200) và xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT (học bạ) với điểm thi năng khiếu vẽ (Mã 406)

- Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026

Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia từ ngày **02/07/2026** đến **17h00** ngày **14/07/2026**. Thí sinh đăng ký xét tuyển có thể đăng ký để Trường tư vấn tại địa chỉ: <https://tuyensinh.hou.edu.vn/tuvan>. Nhà trường tổ chức xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT;

Nhà trường căn cứ dữ liệu kết quả học tập cấp THPT (trung học nghề) của thí sinh trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GDĐT, chủ động tải dữ liệu để tổ chức rà soát các điều kiện đăng ký sau đó cập nhật dữ liệu đã rà soát lên hệ thống tuyển sinh



cho các thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Mở Hà Nội phục vụ công tác xét tuyển.

- Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 trở về trước

Thí sinh tham gia xét tuyển đăng ký và tải hồ sơ trên hệ thống của Trường tại địa chỉ <https://xettuyen.hou.edu.vn/>; hạn cuối nhận hồ sơ trước **17h00** ngày **09/07/2026**;

Thí sinh chưa đăng ký mở tài khoản để truy cập hệ thống tuyển sinh của Bộ GDĐT phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản từ ngày **01/05/2026** đến **20/05/2026** để truy cập vào hệ thống tuyển sinh (Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia);

Sau khi đăng ký, nộp hồ sơ về Trường Đại học Mở Hà Nội và được cấp tài khoản truy cập hệ thống tuyển sinh của Bộ GDĐT, thí sinh tiếp tục thực hiện đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia từ ngày **02/07/2026** đến **17h00** ngày **14/07/2026**. Nhà trường tổ chức xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

Thí sinh đăng ký xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu vẽ (mã 406) thực hiện theo hướng dẫn tại mục e.

Yêu cầu hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển học bạ (mẫu Phiếu và hướng dẫn tải tại Cổng thông tin tuyển sinh của Trường địa chỉ <https://xettuyen.hou.edu.vn/>);
- Bản sao y có chứng thực học bạ THPT;
- Bản sao y có chứng thực các giấy tờ liên quan phù hợp chứng minh để thí sinh được hưởng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có);
- Bản gốc Phiếu điểm năng khiếu vẽ năm 2026 (trường hợp thí sinh thi tại trường đại học khác);
- Bản sao y có chứng thực CCCD/ Căn cước.

d) Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy (do ĐH Quốc gia HN, ĐH Bách khoa HN tổ chức - Mã 402)

Thí sinh xét tuyển bằng phương thức mã 402 phải tham dự bài thi HSA hoặc TSA năm 2026, thời gian thi theo lịch của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách Khoa Hà Nội công bố và quy định để lấy kết quả xét tuyển;

Dữ liệu kết quả bài thi HSA và TSA năm 2026 của thí sinh trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GDĐT sau khi được Nhà trường rà soát là căn cứ để xét tuyển theo đăng ký của thí sinh đối với những ngành nhà trường tổ chức xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy (do ĐH Quốc gia HN, ĐH Bách khoa HN tổ chức).

Thí sinh thực hiện đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia từ ngày **02/07/2026** đến **17h00** ngày **14/07/2026** (đợt 1). Nhà trường tổ chức xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

đ) Xét tuyển dự bị đại học (Mã 500)

Thí sinh đăng ký xét tuyển nộp hồ sơ về Trường Đại học Mở Hà Nội theo thông báo chi tiết tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>; hạn cuối nhận hồ sơ trước **17h00** ngày **09/07/2026**.

Yêu cầu hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:

- Đơn đăng ký xét tuyển (thí sinh lấy mẫu tại các trường dự bị đại học nơi thí sinh theo học);
- Giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2025;
- Giấy chứng nhận tốt nghiệp năm 2025;
- Giấy báo nhập học vào trường dự bị đại học năm 2025;
- Bản gốc, bản sao y có chứng thực học bạ THPT;
- Bản sao y có chứng thực Giấy khai sinh;
- Lý lịch học sinh, sinh viên;
- Kết quả học tập, rèn luyện của trường dự bị đại học;
- Bản sao y có chứng thực các giấy tờ liên quan phù hợp chứng minh để thí sinh được hưởng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có);
- Bản sao y có chứng thực CCCD.

e) Đối với thí sinh dự thi môn năng khiếu vẽ

Các ngành có thi môn năng khiếu vẽ gồm: **Thiết kế nội thất, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa và Kiến trúc; Nhà trường tổ chức thi môn Hình họa và môn Bố cục màu**. Các môn năng khiếu được công nhận tương đương: Trang trí màu tương đương Bố cục màu (vẽ bằng màu); Hình họa tương đương Vẽ mỹ thuật (vẽ bằng chì đen);

Để đủ điều kiện tham gia xét tuyển vào các ngành có môn năng khiếu vẽ, thí sinh phải tham dự kỳ thi tuyển sinh môn năng khiếu vẽ do Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức, ngày tập trung dự thi theo thông báo tại Cổng thông tin tuyển sinh <https://tuyensinh.hou.edu.vn/>, Trường Đại học Mở Hà Nội sẽ chủ động sử dụng kết quả thi năng khiếu vẽ của thí sinh, kết hợp với kết quả các môn văn hóa để xét tuyển. Kết quả thi năng khiếu vẽ được Nhà trường tải lên hệ thống tuyển sinh của Bộ GDĐT;

Nếu không kịp tham dự kỳ thi năng khiếu vẽ do Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức, thí sinh có thể dự thi tại các trường đại học khác trên cả nước, sau đó nộp kết quả điểm năng khiếu để tham gia xét tuyển, thời hạn nộp phiếu điểm năng khiếu thi tại trường đại học khác về Trường Đại học Mở Hà Nội trước **17h00** ngày **17/06/2026**.

1.6.2. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển theo từng chương trình đào tạo phù hợp với số lượng tuyển sinh đã công bố theo nguồn tuyển và không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một chương trình đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đối tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại điểm d của mục này.

c) Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn trong cùng một THXT (gồm cả điểm ưu tiên khu vực, đối tượng) được làm tròn đến hai chữ số thập phân theo từng ngành/chuyên ngành, lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ số lượng tuyển sinh.

d) Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau; nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn.

1.6.3. Thời gian xác nhận nhập học

Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức xác nhận nhập học theo lịch chung quy định của Bộ GDĐT, thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học trước **17h00** ngày **21/08/2026** (kể cả thí sinh trúng tuyển thẳng) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GDĐT trong thời gian tới, thời hạn điều chỉnh (nếu có) Trường sẽ thông báo trên Cổng thông tin tuyển sinh <https://tuyensinh.hou.edu.vn>.

1.6.4. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Đợt 1, Trường thực hiện theo kế hoạch của Bộ GDĐT;
- Sau khi xét tuyển đợt 1, nếu chưa đủ số lượng tuyển sinh, Trường sẽ xét tuyển bổ sung cho đến khi đủ số lượng. Thông báo về xét tuyển bổ sung sẽ được công bố trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường tại địa chỉ <https://tuyensinh.hou.edu.vn>.

1.7. Chính sách ưu tiên

- Chính sách ưu tiên theo khu vực, theo đối tượng chính sách theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT;
- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp;
- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau: Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$. Đối với thang điểm khác thang 30, điểm ưu tiên được tính quy đổi tương đương;
- Trường xét tuyển bảo đảm công bằng, bình đẳng và minh bạch giữa các thí sinh; không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (trừ trường hợp quy định tại điểm d mục 1.6.2)

1.8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

Mức thu dịch vụ tuyển sinh theo quy định của Bộ GDĐT; Lệ phí thi tuyển môn năng khiếu vẽ thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của Trường (Đề án tổ chức thi năng khiếu vẽ) tại địa chỉ <https://tuyensinh.hou.edu.vn>.

1.9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

Trường Đại học Mở Hà Nội thực hiện xem xét đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh khi có rủi ro trong công tác tuyển sinh theo quy định pháp luật, quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và quy chế tuyển sinh của Trường.

1.10. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc

Trung tâm Truyền thông và Tuyển sinh

Hotline: 024.6297.4545; 024.6297.4646

Email: ttts@hou.edu.vn

Tại Cổng thông tin tuyển sinh của Trường (<https://tuyensinh.hou.edu.vn>) có bộ phận tư vấn, hỗ trợ và giải đáp mọi thắc mắc của thí sinh.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

a) Người dự tuyển có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; không trong thời gian can án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đối với thí sinh đã tốt nghiệp đại học trở lên đăng ký dự tuyển học liên thông đại học (văn bằng 2);

- Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng/cao đẳng nghề đăng ký dự tuyển học liên thông lên đại học (liên thông CĐ lên ĐH).

- Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật đăng ký dự tuyển học liên thông lên đại học (liên thông TC lên ĐH).

- Văn bằng cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng do cơ quan đủ thẩm quyền công nhận.

b) Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của từng ngành, chương trình đào tạo;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển nộp đúng hạn theo quy định của Trường.

c) Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

d) Đối với người dự tuyển là người khuyết tật ảnh hưởng khả năng học tập, nhà trường xem xét tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với năng lực và sức khỏe của thí sinh.

đ) Đối với người dự tuyển là công dân nước ngoài: không giới hạn độ tuổi, có đủ sức khỏe, điều kiện về trình độ (có văn bằng tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên; đã được dịch công chứng sang tiếng Việt và được công nhận trình độ tương đương do các đơn vị chức năng xác nhận), có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ GDĐT và đảm bảo các quy định theo quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

2.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển căn cứ kết quả học tập toàn khóa học để xét tuyển;

- Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển đào tạo văn bằng 2 chính quy, liên thông chính quy.

2.3. Ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển

2.3.1. Ngưỡng đầu vào

- Đối với liên thông từ trung cấp lên đại học: Thí sinh có kết quả học tập (đã tốt nghiệp) trình độ trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

- Đối với liên thông từ cao đẳng lên đại học: Thí sinh có kết quả học tập (đã tốt nghiệp) trình độ cao đẳng.

- Đối với văn bằng hai: Thí sinh có kết quả học tập (đã tốt nghiệp) trình độ đại học.

- Đối với các ngành lĩnh vực Pháp luật, thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển trình độ đại học ngưỡng đầu vào đạt một trong các tiêu chí sau:

- + Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10;
- + Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
- + Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;
- + Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

2.3.2. Điểm trúng tuyển

Căn cứ kết quả học tập toàn khóa học của văn bằng trong hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh cộng điểm ưu tiên về đối tượng (nếu có), điểm xét tuyển (là tổng điểm kết quả học tập và điểm ưu tiên) được tính đến số lẻ 2 phần thập phân và sắp xếp từ cao xuống thấp. Trong trường hợp đủ số lượng tuyển sinh mà có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì áp dụng tiêu chí phụ là người có điểm ngoại ngữ cao hơn.

2.4. Số lượng tuyển sinh

Trường Đại học Mở Hà Nội thực hiện số lượng tuyển sinh là **475**. Cụ thể:

STT	Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Số văn bản cho phép	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo	Số lượng tuyển sinh Liên thông	Số lượng tuyển sinh VB2
1	Nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài							
1.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	1884/TC-BT	23/04/1993	Bộ GDĐT	1993		85
1.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	2995/QĐ-BGDĐT	15/06/2006	Bộ GDĐT	2006	20	25
2	Nhóm ngành: Kinh doanh							

Handwritten signature and initials in blue ink.

STT	Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Số văn bản cho phép	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo	Số lượng tuyển sinh Liên thông	Số lượng tuyển sinh VB2
2.1	Quản trị kinh doanh	7340101	1884/TC-BT	23/04/1993	Bộ GDĐT	1993	15	
3	Nhóm ngành: Kế toán - Kiểm toán							
3.1	Kế toán	7340301	1884/TC-BT	23/04/1993	Bộ GDĐT	1993	20	
4	Nhóm ngành: Luật							
4.1	Luật	7380101	6101/KHTC	06/09/1994	Bộ GDĐT	1994	10	50
4.2	Luật kinh tế	7380107	1062/QĐ-BGDĐT	20/02/2009	Bộ GDĐT	2009	20	30
5	Nhóm ngành: Công nghệ thông tin							
5.1	Công nghệ thông tin	7480201	1884/TC-BT	23/04/1993	Bộ GDĐT	1993	20	50
6	Nhóm ngành: Du lịch							
6.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	399/QĐ-ĐHM	03/03/2018	Viện ĐH Mở HN	2018	10	25
7	Nhóm ngành: Khách sạn, nhà hàng							
7.1	Quản trị khách sạn	7810201	1070/QĐ-ĐHM	19/02/2021	Trường ĐH Mở HN	2021	20	75
Tổng số							135	340

2.5. Tổ chức tuyển sinh

Trường tổ chức tuyển sinh 04 đợt trong năm, cụ thể theo Thông báo tuyển sinh năm 2026. Thời gian dự kiến:

STT	Đợt xét tuyển	Hạn cuối nhận hồ sơ	Xét duyệt hồ sơ	Thông báo trúng tuyển	Thời gian nhập học
1	Đợt 1	16/04/2026	21-23/04/2026	28-29/04/2026	04-16/05/2026
2	Đợt 2	12/06/2026	17-22/06/2026	24-25/06/2026	25/06-10/07/2026
3	Đợt 3	28/08/2026	04-07/09/2026	09-10/09/2026	10-25/09/2026
4	Đợt 4	27/11/2026	02-07/12/2026	09-10/12/2026	10-25/12/2026

Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển đại học (thí sinh tải từ cổng tuyển sinh của Trường: <https://tuyensinh.hou.edu.vn>);
- 01 bản sao y có chứng thực văn bằng tốt nghiệp của thí sinh;
- 01 bản sao y có chứng thực bảng kết quả học tập theo văn bằng tốt nghiệp của thí sinh;
- 01 bản sao y có chứng thực CCCD/Căn cước;

- 01 bản sao y có chứng thực Giấy khai sinh;
- 01 bản sao y có chứng thực hồ sơ về ưu tiên đối tượng (nếu có);
- Hồ sơ, giấy tờ liên quan phù hợp chứng minh kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo (nếu có).

2.6. Chính sách ưu tiên

Trường thực hiện chính sách ưu tiên về đối tượng ưu tiên như Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành và được quy đối tượng đương theo thang điểm xét tuyển.

2.7. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

Mức thu phí xét tuyển: 100.000 đ/hồ sơ.

2.8. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

Trường Đại học Mở Hà Nội thực hiện xem xét đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh khi có rủi ro trong công tác tuyển sinh theo quy định pháp luật, quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của Trường.

2.9. Thời gian đào tạo

- Đối với các trường hợp không được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (xét miễn môn) thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa;
- Đối với các trường hợp được xét công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ (Hội đồng xét công nhận tín chỉ của Trường căn cứ kết quả học tập đã tích lũy tại chương trình đào tạo đã được cấp văn bằng, tổ chức xét công nhận tín chỉ đối với từng trường hợp), thời gian để hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được công nhận chuyển đổi, nhưng không ít hơn 50% thời gian thiết kế chuẩn của chương trình đào tạo; lệ phí xét công nhận tín chỉ: 100.000 đ/học phần.

3. Học cùng lúc hai chương trình (song bằng)

3.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Các sinh viên đại học chính quy đang học tại Trường Đại học Mở Hà Nội thỏa mãn các điều kiện sau thì được theo học song bằng:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất và sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ học phí;

b) Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

- Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

- Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo, sinh viên bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

3.2. Mô tả phương thức tuyển sinh, số lượng tuyển sinh và thời gian tuyển sinh

3.2.1. Mô tả phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức xét tuyển.

3.2.2. Số lượng tuyển sinh

Căn cứ vào số thí sinh đăng ký xét tuyển.

3.2.3. Phạm vi tuyển sinh

Sinh viên đại học chính quy đang theo học tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

3.2.4. Thời gian tuyển sinh

Đầu mỗi học kỳ trong năm học.

3.3. Các thông tin khác

- Thời gian tối đa đối với sinh viên học song bằng là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất;

- Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương đã tích lũy trong chương trình thứ nhất. Hội đồng xét công nhận tín chỉ của Trường sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể;

- Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu đã tốt nghiệp chương trình thứ nhất.

3.4. Địa điểm nhận đơn đăng ký học song bằng và địa điểm đào tạo

- Sinh viên có thể nhận mẫu đơn đăng ký và nộp đơn học song bằng tại văn phòng Khoa/Viện nơi sinh viên đang học;

- Địa điểm đào tạo các lớp song bằng cấp bằng đại học chính quy: tại các khu giảng đường của Trường Đại học Mở Hà Nội.

3.5. Học phí

Học phí: Chi tiết xem tại Phần I, Thông tin tuyển sinh năm 2026.

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2026

Cán bộ kê khai

Nguyễn Tuấn

Số ĐT: 0984624368

Email: nguyentuan1981@hou.edu.vn



PGS.TS Nguyễn Thị Nhung